

**BIỂU MỨC THU PHÍ SÁT HẠCH LÁI XE; LỆ PHÍ CẤP BẰNG, CHỨNG CHỈ ĐƯỢC HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC LOẠI PHƯƠNG TIỆN VÀ LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
<b>1</b>	<b>Lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng (phương tiện thi công)</b>		
a	Cấp lần đầu, cấp có thời hạn, cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký kèm theo biển số	Lần/phương tiện	200.000
b	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký không kèm theo biển số	Lần/phương tiện	50.000
c	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm theo biển số tạm thời	Lần/phương tiện	70.000
d	Đóng lại số khung, số máy	Lần/phương tiện	50.000
<b>2</b>	<b>Lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện</b>		
	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy phép lái xe (quốc gia và quốc tế)	Lần	135.000
<b>3</b>	<b>Phí sát hạch lái xe</b>		
a	Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4:		
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	60.000
	- Sát hạch thực hành	Lần	70.000
b	Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F):		
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	100.000
	- Sát hạch thực hành trong hình	Lần	350.000
	- Sát hạch thực hành trên đường giao thông	Lần	80.000
	- Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	Lần	100.000

**Ghi chú:**

- Mức thu phí sát hạch lái xe quy định tại Thông tư này được áp dụng thống nhất trên cả nước (không phân biệt cơ quan thuộc Trung ương quản lý hay cơ quan thuộc địa phương quản lý).
- Người dự sát hạch để được cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phần nào thì nộp phí sát hạch lái xe phần đó (tính theo lần sát hạch: sát hạch lần đầu, sát hạch lại).